



Báo cáo **Tài chính**

Báo cáo kiểm toán	30
Bảng căn đối kế toán	31
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	32
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	33
Thuyết minh báo cáo tài chính	35



CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC
Auditing & Information Services Company
Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. HCM
Tel: (84.8)9305163 Fax: (84.8)9304281
Email: aisc@hcm.vnn.vn Website: www.aisc.com.vn



Số 0906448/AISC-DN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2006 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á

Kính gửi: QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á

1. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối tài khoản năm 2006; Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2006; Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2006; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2006 và Thuyết minh các báo cáo tài chính năm 2006 của quý Ngân hàng được trình bày từ trang 03 đến trang 26.

Việc lập, soạn thảo và trình bày các Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của quý Ngân hàng. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo này.

2. Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán và kiểm toán; phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các tiêu chuẩn Kiểm toán Quốc tế cùng với những thông lệ kiểm toán được Nhà nước Việt Nam chấp nhận.

Trên căn bản áp dụng những thử nghiệm cẩn thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến các số liệu và các công bố trên các báo cáo tài chính nói trên. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về sự tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán mà Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐÔNG Á đăng ký sử dụng; về các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng; về việc soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính. Đồng thời, cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐÔNG Á.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết nhằm cung cấp cho chúng tôi đầy đủ chứng cứ để đảm bảo rằng các báo cáo tài chính nêu trên tránh được các sai sót trọng yếu. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

3. Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, báo cáo tài chính nói trên đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2006, kết quả kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ của niên độ 2006 của Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐÔNG Á.

Các báo cáo tài chính này đã được soạn thảo và trình bày phù hợp theo hệ thống kế toán Việt Nam ngành Ngân hàng ban hành theo quyết định 479/2004/QĐ - NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam cùng các văn bản bổ sung, hướng dẫn liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2007

GIÁM ĐỐC AISC

Võ Hồng Quân
Chứng chỉ kiểm toán viên
Số: Đ 0204/KTV
Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp



Nguyễn Hữu Trí
Chứng chỉ kiểm toán viên

Số: 0476/KTV

Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Bảng cân đối kế toán

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Năm 2005	Năm 2006
TÀI SẢN		
Tiền, kim loại quý và đá quý	531.010	1.116.941
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	408.186	486.526
Tiền gửi tại các Ngân hàng nước ngoài	487.916	462.332
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước	124.682	595.829
Cho vay các tổ chức tín dụng trong nước	140.367	154.970
Cho vay khách hàng	5.960.048	7.985.615
Trữ: Dự phòng rủi ro tín dụng	(12.280)	(13.669)
Đầu tư	178.993	412.028
Tài sản cố định hữu hình	151.354	233.338
Xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm TSCĐ	58.790	108.337
Tài sản khác	486.847	534.544
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	8.515.913	12.076.791
NGUỒN VỐN		
Tiền vay Ngân hàng Nhà nước	-	-
Tiền gửi và tiền vay từ TCTD trong nước	622.900	621.086
Vốn nhận từ Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác	183.812	204.989
Tiền gửi của khách hàng	6.513.795	9.488.274
Nợ khác	483.648	241.408
Tổng nợ	7.804.155	10.555.757
Vốn và các quỹ		
Vốn của TCTD	500.476	880.480
Các quỹ dự trữ	70.653	440.243
Lợi nhuận chưa phân phối	140.629	200.311
Tổng vốn và các quỹ	711.758	1.521.034
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	8.515.913	12.076.791
Các cam kết và nợ tiềm tàng	1.470.663	4.946.654

Báo cáo hoạt động kinh doanh

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Năm 2005	Năm 2006
Thu nhập lãi	852.910	1.269.652
Chi phí lãi	(645.025)	(978.454)
Thu nhập lãi ròng	207.885	291.198
Thu nhập từ các khoản phí và dịch vụ	82.323	104.902
Chi trả phí và dịch vụ	(6.059)	(21.666)
Lãi/(lỗ) ròng từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	6.563	28.977
Thu nhập thuần từ tham gia thị trường tiền tệ	425	-
Thu nhập từ hoạt động khác	-	-
Thu nhập ngoài lãi	83.252	112.213
Tiền lương và các chi phí có liên quan	(50.011)	(58.829)
Chi phí khấu hao	(15.758)	(27.529)
Chi phí hoạt động khác	(75.011)	(93.745)
Chi phí ngoài lãi	(140.780)	(180.103)
Dự phòng rủi ro tín dụng	(17.001)	(24.618)
Thu nhập bất thường	942	1.481
Thu nhập trước thuế	134.298	200.171
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.604	48.173
Lợi nhuận từ các công ty trực thuộc	4.148	-
Lợi nhuận ròng trong năm	100.842	151.998

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	2005	2006
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	134.298	200.170
Điều chỉnh cho các khoản		
-Khấu hao TSCĐ	15.758	27.529
-Dự phòng	17.001	24.618
-Lãi lỗ do thanh lý TSCĐ	-	-
-Lãi lỗ do đánh giá lại tài sản	(1.117)	(9.265)
-Lãi lỗ từ việc bán chứng khoán	-	-
-Thu lãi đầu tư chứng khoán	(425)	(26.762)
-Lãi lỗ do đầu tư vào đơn vị khác (góp vốn, mua cổ phần)	(3.194)	(21.665)
-Các điều chỉnh khác		
2. Lợi nhuận KD trước những thay đổi về TS và công nợ HD	162.321	194.626
Tăng/giảm tài sản hoạt động		
-Tăng/giảm tiền gửi tại TCTD khác	6.000	(445.563)
-Tăng/giảm cho vay đối với TCTD khác	(31.977)	(14.603)
-Tăng/giảm cho vay đối với khách hàng	(1.397.665)	(2.025.567)
-Tăng/giảm lãi dự thu	-	(111.070)
-Tăng/giảm các tài sản hoạt động khác	(322.792)	611.827
Tăng/giảm các khoản công nợ hoạt động		
-Tăng/giảm tiền gửi của các TCTD khác	11.924	(1.815)
-Tăng/giảm tiền gửi của khách hàng	1.761.043	3.230.306
-Tăng/giảm lãi dự trả	-	112.127
-Tăng/giảm phát hành giấy tờ có giá	72.843	(255.827)
-Tăng/giảm vay NHNN	(21.122)	-
-Tăng/giảm vay TCTD khác trong nước và nước ngoài	-	-
-Tăng/giảm vốn tài trợ vốn ủy thác đầu tư	(23.379)	21.176
-Tăng/giảm khoản nhận vốn để cho vay đồng tài trợ	(3.417)	(3.495)
-Tăng/giảm các khoản công nợ hoạt động khác	64.508	(350.418)
3. Tiền thuần từ hoạt động KD trước thuế thu nhập DN	278.287	961.704
-Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(14.851)	(59.454)
-Chi từ các quý của TCTD	(7.813)	(33.306)
4. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	255.623	868.944

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ(tt)

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: Triệu VND

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
- Mua TSCĐ theo nguyên giá	(63.710)	(109.033)
-Tiền thu do bán, thanh lý TSCĐ	-	-
-Tiền mua chứng khoán	(65.396)	(101.435)
-Tiền thu từ bán chứng khoán	-	-
-Thu lãi từ đầu tư chứng khoán	425	26.762
-Góp vốn liên doanh, mua cổ phần	(1.007)	(131.600)
-Tiền thu từ góp vốn liên doanh, mua cổ phần	-	-
-Thu lãi góp vốn mua cổ phần	3.194	21.665
-Các hoạt động đầu tư khác	36.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(90.494)	(293.641)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
-Tăng/giảm vốn cổ phần	150.000	380.000
-Tiền lãi đã trả cho nhà đầu tư và TCTD	(46.650)	(65.000)
-Các hoạt động tài chính khác		219.530
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	103.350	534.530
IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ		
	268.479	1.109.834
V.TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ		
	1.283.315	1.551.794
VI.TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TIỀN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ		
	1.551.794	2.661.628
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN GỒM CÓ:		
-Tiền, kim loại quý, đá quý	531.010	1.116.941
-Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	408.186	486.526
-Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	612.598	1.058.161

Thuyết minh báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

- Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đông Á ("Ngân hàng") được thành lập theo giấy phép số 135/GP-UB ngày 06/04/1992 của UBND TP.HCM và hoạt động theo giấy phép số 192/QĐ-NHNN ngày 26/06/1997 của NHNN Việt Nam.
- Vốn điều lệ ban đầu theo giấy phép là : 20.000.000.000 VND.
- Trong năm 2006, được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ lên 880.000.000.000 VND.

2. Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

3.Thành phần Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát

- Ông Phạm Văn Bụ	Chủ tịch
- Ông Quách Văn Hán	Phó chủ tịch
- Bà Nguyễn Phi Vân	Ủy viên
- Ông Trần Phương Bình	Ủy viên
- Ông Đặng Phước Dừa	Ủy viên
- Bà Nguyễn Thị Cúc	Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Đặng Kim Lan	Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Vinh Sơn	Thành viên Ban kiểm soát

4. Thành phần Ban Tổng Giám đốc

- Ông Trần Phương Bình	Tổng giám đốc
- Bà Vũ Thị Vang	Phó Tổng giám đốc thường trực
- Ông Phạm Văn Tân	Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Hữu Chính	Phó Tổng giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên	Phó Tổng giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân	Phó Tổng giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Phó Tổng giám đốc

5. Trụ sở chính: 130 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngân hàng có 1 Hội sở, 21 chi nhánh, 46 phòng giao dịch, 1 điểm giao dịch trực thuộc.

Ngân hàng còn có các công ty trực thuộc như sau
- Công ty Kiều hối Đông Á theo giấy chấp thuận số 465/NHNN-CNH ngày 08/5/2002.

- Công ty Chứng khoán Đông Á theo giấy chấp thuận số 612/NHNN-CNH ngày 11/6/2002.

6. Tổng số cán bộ, công nhân viên : 1373 người

Trong đó: Quản lý là : 200 người

II. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI NGÂN HÀNG

1. Hệ thống kế toán: Ngân hàng áp dụng hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng do Thống đốc Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/04/2004.

2. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Tổ chức hạch toán kế toán: Công tác kế toán được triển khai riêng biệt cho Hội sở và các Chi nhánh trực thuộc, sau đó tổng hợp lại toàn ngân hàng. Kết quả kinh doanh và thuế TNDN được hạch toán theo toàn Ngân hàng

4. Phương pháp kế toán tài sản cố định: Nguyên giá của tài sản được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao được tính dựa trên nguyên giá TS và theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003.

5. Phương pháp kế toán thu nhập và chi phí: Thu nhập và chi phí được ghi nhận theo phương pháp dự thu và dự chi.

6. Phương pháp trích lập dự phòng phải thu nợ khó đòi: Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ban hành ngày 22/04/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Thuyết minh báo cáo tài chính(tt)

III. MỘT SỐ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Đơn vị tính: Triệu VND

ĐẦU TƯ	412.028
1. Đầu tư vào chứng khoán	215.518
2. Góp vốn liên doanh, mua cổ phần	196.510
TÀI SẢN	
Tài sản cố định hữu hình	233.338
- Nguyên giá TSCĐ	305.093
- Hao mòn TSCĐ	(71.755)
VỐN VÀ CÁC QUÝ	
Vốn của TCTD	880.480
- Vốn điều lệ	880.000
- Vốn khác	480
Quỹ TCTD	440.243
THU NHẬP LÃI	1.269.652
1.Thu lãi cho vay	801.579
2.Thu lãi tiền gửi	54.743
3.Thu lãi góp vốn, mua cổ phần	21.665
4.Thu khác về hoạt động tín dụng	391.665
CHI PHÍ LÃI	(978.454)
1.Chi trả lãi tiền gửi	(597.339)
2.Chi trả lãi tiền đi vay	(16.195)
3.Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	-
4.Chi khác về hoạt động huy động vốn	(364.920)
THU NHẬP TỪ CÁC KHOẢN PHÍ VÀ DỊCH VỤ	104.902
1.Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	13.991
2.Thu phí dịch vụ thanh toán	62.693
3.Thu phí dịch vụ ngân quỹ	3
4.Thu từ nghiệp vụ uỷ thác và đại lý	17.569
5.Thu từ các dịch vụ khác	10.646

Thuyết minh báo cáo tài chính(tt)

Đơn vị tính: Triệu VND	
CHI TRÀ PHÍ VÀ DỊCH VỤ	21.666
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	21.666
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC	93.745
1. Chi hoạt động quản lý và công vụ	54.056
2. Chi nộp thuế	3.111
3. Chi nộp các khoản phí, lệ phí	198
4. Chi về hoạt động khác	5
5. Chi khác về tài sản	28.434
6. Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng, chi bồi thường BHTG	7.941
THU NHẬP BẤT THƯỜNG	1.481
1. Các khoản thu nhập bất thường	1.966
2. Chi bất thường	(485)

IV. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên (báo cáo theo năm)

CHỈ TIÊU	Năm 2006
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	1.158
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu đồng)	
1. Tổng quỹ lương	57.856
2. Tiền thưởng	10.358
3. Tổng thu nhập	68.214
4. Tiền lương bình quân (người / tháng)	4,16
5. Thu nhập bình quân (người / tháng)	4,91